

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 184-TTg ngày 27-3-1995 về việc đầu tư Dự án Khôi phục và phát triển thủy lợi khu vực miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét tờ trình của Bộ Thủy lợi (số 2729-TT/KH ngày 17-12-1994) về việc xin phê duyệt dự án tiền khả thi Khôi phục và phát triển thủy lợi khu vực miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến thẩm tra dự án của Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước (Công văn số 764-UB/VPTĐ ngày 15-3-1995 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Đầu tư Dự án Khôi phục và phát triển thủy lợi khu vực miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau đây:

1. Tên Dự án: "Khôi phục và phát triển thủy lợi khu vực miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh".

2. Mục tiêu của Dự án: Khôi phục và nâng cấp 5 hệ thống thủy nông đã khai thác lâu năm (Cẩm Thủy, Nam Nghệ An, Linh Cảm, An Trạch, Đông Cam); và đầu tư cho hai hệ thống công trình thủy lợi lớn hiện đang thi công dở dang (Thạch Nhàn, Hóc Môn - Bắc Bình Chánh) nhằm duy trì năng lực tưới ổn định là 70.000 héc ta, trong đó diện tích tưới tăng hơn trước khi có dự án là 32.600 héc ta.

3. Phạm vi và quy mô của Dự án: dự án gồm 7 tiểu dự án của 7 hệ thống thủy nông thuộc 7 tỉnh là:

- Hệ thống Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa
- Hệ thống Nam Nghệ An tỉnh Nghệ An.
- Hệ thống Linh Cảm tỉnh Hà Tĩnh
- Hệ thống An Trạch tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
- Hệ thống Đông Cam tỉnh Phú Yên.
- Hệ thống Thạch Nhàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Hệ thống Hóc Môn - Bắc Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.

4. Vốn đầu tư cho Dự án:

- Tổng vốn đầu tư: 121 triệu 629 ngàn USD.

Trong đó:

Ngân hàng thế giới cho vay với số tiền là 81 triệu 80 ngàn USD (chưa tính vốn vay đầu tư hệ thống kênh tưới cho các vùng dưới 150 héc ta).

- Vốn đối ứng trong nước đảm bảo phần còn lại.

Mức vốn đầu tư cho từng công trình sẽ được xác định chính thức, khi xem xét ra quyết định đầu tư dự án khả thi từng tiểu dự án (với mức vốn ngoài nước là mức trần).

5. Việc xây dựng các công trình và mua sắm thiết bị đều phải thông qua đấu thầu, nhằm tiết kiệm vật tư, tiền vốn và nâng cao chất lượng công trình.

6. Trên cơ sở Luật Đất đai và các quy định hiện hành, Ủy ban Nhân dân các địa phương chủ trì phối hợp với Bộ Thủy lợi giải quyết việc di dân tái định cư ở các vùng có công trình của dự án theo kế hoạch di dân tái định cư phần 1 do Bộ Thủy lợi trình tại văn bản số 345-CV/KH ngày 8-3-1995 và số 2357-CV/KH ngày 3-11-1994.

7. Thời gian tối đa thực hiện dự án: 5 năm, kể từ ngày được cấp vốn

Điều 2.- Phân giao nhiệm vụ.

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thủy lợi và các ngành có liên quan, cân đối vốn cho dự án.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm cân đối ngân sách để cấp vốn đối ứng cho dự án theo đúng luận chứng được duyệt, trả nợ vốn vay cho dự án này khi đến hạn theo đúng cam kết quốc tế về vay và trả nợ.

3. Bộ Thủy lợi là chủ quản dự án có nhiệm vụ

Căn cứ vào dự án tiền khả thi được duyệt, chỉ đạo việc lập dự án khả thi thành các hồ sơ riêng biệt, tiến hành xét duyệt theo đúng Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, đảm bảo không chế trong tổng vốn đầu tư đã được xác định tại mục 4 Điều 1 Quyết định này.

Tổ chức điều hành dự án, chỉ đạo kỹ thuật và thi công các công trình, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, đúng chế độ và nghiệm thu quyết toán công trình, đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả.

4. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố nơi có các tiểu dự án chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Thủy lợi và Bộ Tài chính chuẩn bị vốn đối ứng để đầu tư xây dựng đồng bộ phần công trình nội đồng, tổ chức di dân và đưa bị bỏ dân bị thống được hoàn thiện và phát huy hiệu quả.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Bộ trưởng các Bộ,

Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

CÁC BỘ

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 3-TM/PC ngày 10-2-1995 hướng dẫn thực hiện Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng Đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng Đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 179-CP ngày 2-11-1994 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế nói trên (sau đây gọi tắt là Quy chế).

Sau khi trao đổi ý kiến với một số ngành, địa phương liên quan và được Thủ tướng Chính phủ thông qua (Công văn số 372-QHQT ngày 23-1-1995), Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế để thi hành thống nhất như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đối tượng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện:

Tổ chức kinh tế nước ngoài quy định tại Điều 1 của Quy chế được hiểu là tổ chức được lập ra nhằm mục đích hoạt động kinh doanh sinh lợi (dưới đây gọi tắt là Công ty) nếu có yêu cầu đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam và nếu có đủ điều kiện quy định

tại Điều 2 của Quy chế và Thông tư này, đều được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam.

Một Công ty có thể lựa chọn:

- Xin phép đặt nhiều Văn phòng Đại diện độc lập trực thuộc Công ty, với tên gọi thống nhất là Văn phòng Đại diện của Công ty tại tỉnh, thành phố của Việt Nam và mỗi Văn phòng Đại diện phải có người phụ trách riêng.

- Xin phép đặt một Văn phòng Đại diện tại một tỉnh, thành phố và đặt nhiều Chi nhánh của Văn phòng này tại các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện:

- Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho các Công ty nước ngoài (trừ các tổ chức tín dụng và ngân hàng) đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam;

- Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam.

II. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Các điều kiện để Công ty được cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam quy định tại Điều 2 của Quy chế được hiểu như sau:

- Công ty thành lập phù hợp với pháp luật của nước họ (nước thành lập Công ty);

- Đã hoạt động ở nước thành lập Công ty không dưới 5 năm;

- Có dự án đầu tư, thương mại được phía Việt Nam quan tâm và có khả năng thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam, cụ thể bao gồm:

+ Các dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép;

+ Các hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật và/hoặc chuyển giao công nghệ mới phù hợp với pháp luật Việt Nam;

+ Các hợp đồng chuyên nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, nhất là nhập khẩu hàng hóa do Việt Nam khuyến khích xuất khẩu.

Riêng các Công ty xin đặt Văn phòng Đại diện để xúc tiến lập các dự án đầu tư hoặc giải quyết thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư tại Việt Nam thì cũng được xét cho đặt Văn phòng Đại diện với

09651817

www.ThuVienPhapLuat.com Tel: +84-8-3845 6684

LawSoft